

Kinh nghiệm của Malaysia về thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức và bài học cho Việt Nam

Nguyễn Thị Minh Thu

Malaysia với dân số khoảng 30 triệu dân đã chuyển đổi thành công từ một nền kinh tế dựa trên sản xuất hàng hóa tiêu dùng thiết yếu thành một quốc gia công nghiệp hóa có mức thu nhập trung bình cao. Quá trình chuyển đổi của Malaysia đã gợi mở nhiều bài học kinh nghiệm quan trọng cho Việt Nam trong tiến trình CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức để đạt được các mục tiêu phát triển trong tiến trình Đổi mới.

1. Tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức của Malaysia

Khi mới giành được độc lập, nền kinh tế Malaysia có xuất phát điểm tương đối thấp, cơ cấu kinh tế mất cân đối trong đó nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn và ở trạng thái độc canh, chủ yếu trồng cây cao su. Malaysia lựa chọn con đường công nghiệp hóa để đưa đất nước ra khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Malaysia về cơ bản trải qua các giai đoạn chủ yếu sau:

Giai đoạn 1: Thay thế nhập khẩu và lấy nông nghiệp là ngành phát triển chủ đạo (1961 - 1970). Khác với một số quốc gia đang phát triển tiến hành công nghiệp hóa lấy công nghiệp làm trọng tâm, sau khi giành độc lập, Malaysia tiến hành công nghiệp hóa lấy nông nghiệp là ngành chủ đạo. Thời kỳ này, Malaysia thực hiện các kế hoạch 5 năm (1961-1965) và (1966-1970) với mục tiêu tăng nhanh sản lượng lương thực, tiến tới tự chủ lương thực, qua đó ổn định lâu dài đời sống của người dân; đồng thời đa dạng hóa các mặt hàng nông sản xuất khẩu và xây dựng các ngành công nghiệp thay thế nhập khẩu. Do vậy, Nhà nước đã giành 50% ngân sách đầu tư cho phát triển nông nghiệp, chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và xây dựng các doanh nghiệp công nghiệp quốc doanh để sơ chế nông phẩm. Trong lĩnh vực công nghiệp, Malaysia đã tạo ra hàng loạt doanh nghiệp sản xuất thay thế nhập khẩu như dệt may, chế biến gỗ và chế tạo một số loại máy móc. Giai đoạn 1961-1970, sản lượng công nghiệp bình quân hàng năm tăng 13,5%; tỷ trọng của sản phẩm gỗ, dầu cọ tăng lần lượt từ 5,4% và 1,7% lên 16,5% và 5,1%. Thu nhập bình quân đầu người hàng năm liên tục tăng đạt trung bình gần 7%/năm.

Giai đoạn 2: Đa dạng hóa kinh tế và chiến lược hướng về xuất khẩu (1971-1985). Trong 3 kế hoạch 5 năm (1971-1975), (1976-1980) và (1981-1985), Malaysia chủ trương xây dựng ngành công nghiệp phát

triển đa dạng trong đó công nghiệp chế tạo bước đầu được ưu tiên phát triển. Nhà nước cũng chú trọng xây dựng các ngành công nghiệp nặng như chế biến dầu mỏ, luyện kim và mở rộng các cơ sở chế biến xuất khẩu. Các doanh nghiệp cũng chú trọng hướng về xuất khẩu do thị trường nội địa bị giới hạn dẫn đến tỷ trọng hàng xuất khẩu đã tăng từ 11,9% năm 1970 lên 21,7% năm 1980. Đồng thời, Malaysia cũng đẩy mạnh đầu tư vào ngành khai thác và chế biến dầu mỏ nên thu nhập nhờ xuất khẩu dầu mỏ rất đáng kể, năm 1970 đạt 164 triệu Ringgit (chiếm 3,2% tổng giá trị xuất khẩu), năm 1980 là 6,7 tỷ Ringgit (chiếm 23,8% tổng giá trị xuất khẩu). Theo các nhà phân tích kinh tế thì giai đoạn này, Malaysia đã bước đầu chuyển từ nước chủ yếu dựa vào nông nghiệp và các ngành công nghiệp thay thế nhập khẩu sang nền kinh tế hướng về xuất khẩu.

Giai đoạn 3: Đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, ưu tiên phát triển công nghiệp chế tạo (1986-1995). Bước sang giai đoạn phát triển mới, Chính phủ Malaysia đã soạn thảo Kế hoạch phát triển công nghiệp tổng thể lần thứ nhất (Industrial Master Plans 1 - IMP1) cho giai đoạn 10 năm (1986-1995). IMP1 đã đặt nền móng cho ngành công nghiệp chế tạo trở thành lĩnh vực dẫn đầu trong toàn bộ nền kinh tế. Mục tiêu chính của IMP1 là: (i) thúc đẩy tăng trưởng ngành sản xuất chế tạo; (ii) tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên của quốc gia (tức là thay vì xuất khẩu thô là chủ yếu thì tăng cường chế biến, tinh chế để có được giá trị gia tăng cao hơn) và (iii) phát triển năng lực công nghệ trong nước. Kế hoạch này diễn ra trùng lặp với giai đoạn nền kinh tế Malaysia phát triển cao với lượng thu hút FDI tăng mạnh. Các chỉ tiêu về tăng trưởng xuất khẩu, tỷ trọng công nghiệp chế tạo trong tổng GDP và tăng trưởng giá trị gia tăng đối với ngành công nghiệp chế tạo đều vượt kế hoạch đặt ra.

Giai đoạn 4: Giai đoạn tăng nhanh hàm lượng khoa học đối với ngành công nghiệp chế tạo (1996 - 2005).

Cơ sở tiến hành giai đoạn 4 của chặng đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Malaysia là Kế hoạch phát triển khoa học công nghệ tổng thể lần thứ 2 (Industrial Master Plan 2 - IMP2). IMP2 (1996 - 2005) được ban hành với thông điệp là nâng cao tính cạnh tranh của ngành công nghiệp chế tạo, cải thiện năng suất lao động, thúc đẩy sự phát triển của công nghiệp hỗ trợ và các dịch vụ có liên quan. Điều quan trọng là IMP2 được vạch ra nhằm một mặt mở rộng khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của ngành công nghiệp Malaysia, hướng tới tham gia vào chuỗi giá trị gia tăng cao hơn, kết hợp nâng cao năng suất lao động (tức phát triển theo chiều sâu) để gia tăng tổng giá trị của toàn bộ chuỗi; mặt khác hình thành nên các chuỗi liên kết trong công nghiệp, ở đây được hiểu là quá trình liên kết giữa các hoạt động có liên quan đến nhau bao gồm ngành công nghiệp, nhà cung cấp, các dịch vụ kinh doanh hỗ trợ, cơ sở hạ tầng và thể chế kinh tế.

Cũng trong IMP2, Chính phủ Malaysia đã xác định các lĩnh vực tăng trưởng then chốt của nền kinh tế bao gồm 12 lĩnh vực thuộc ngành công nghiệp dựa trên các khía cạnh giá trị gia tăng cao hơn, công nghệ, xuất khẩu, hàm lượng tri thức, hiệu ứng nhân rộng và lan tỏa, tiềm năng hội nhập khu vực và toàn cầu và 7 lĩnh vực thuộc ngành dịch vụ - là những lĩnh vực có tiềm năng đóng góp cho xuất khẩu và đẩy mạnh mối liên kết ngành, trong đó có việc tạo điều kiện hỗ trợ cho sự tăng trưởng mạnh hơn của ngành công nghiệp.

Cũng trong giai đoạn này, Chính phủ Malaysia đã tăng cường đầu tư cho nghiên cứu triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu triển khai ngay tại xí nghiệp để đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhờ thế rút ngắn thời gian từ khâu nghiên cứu đến khâu ứng dụng, đồng thời góp phần gia tăng năng suất, sản lượng.

Giai đoạn 5: Kết thúc tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, tiến tới "dịch vụ hóa" nền kinh tế (2006 - 2020). Kế hoạch phát triển công nghiệp tổng quát lần thứ 3 (Industrial Master Plan 3 - IMP3) (2006 - 2020) là giai đoạn cuối cùng trong quá trình Malaysia chuyển đổi từ một quốc gia nông nghiệp sang quốc gia công nghiệp phát triển. Mục tiêu của IMP3 là giúp Malaysia thoát khỏi giai đoạn "phát triển tầm trung" để hướng đến một nền kinh tế chi phối bởi nguồn nhân lực (human capital - driven). Thông qua kế hoạch này, Chính phủ Malaysia hy vọng sẽ nâng cao trình độ công nghiệp hóa đất nước lên một tầm cao hơn, đạt được khả năng cạnh tranh toàn cầu. Các định hướng chiến lược đã được xác định, bao gồm chuyển hướng sang các hoạt động có giá trị gia tăng cao hơn, nâng cao năng suất nhân tố tổng hợp (TFP), tìm kiếm các nguồn lực tăng trưởng mới, chú trọng đến nghiên cứu và phát triển (R&D) và hội nhập ngành công nghiệp và dịch vụ của Malaysia vào các mạng lưới khu vực toàn cầu.

Điểm khác biệt giữa IMP3 và IMP2 là IMP3 không chỉ khẳng định chung chung các ngành được ưu tiên mà còn cụ thể hóa các tiểu ngành mang tính mũi nhọn cần được tập trung phát triển. Ví dụ, đối với lĩnh vực sản xuất điện và điện tử, IMP3 đặc biệt chỉ rõ công nghệ nano, quang tử học, vi mạch điện tử... là những mũi nhọn trọng tâm.

2. Khoa học và công nghệ trong chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức của Malaysia

Chính phủ Malaysia nhận thức rằng để đất nước của họ thật sự đạt được sự thay đổi về chất, vươn lên tầm quốc gia phát triển thì phát triển KH&CN phải là quốc sách hàng đầu. Chính sách KH&CN là thứ II đã đề ra 7 định hướng ưu tiên then chốt với các hành động cụ thể nhằm phát triển KH&CN:

Một là, đẩy mạnh khả năng và năng lực nghiên cứu và công nghệ: Trước hết, Chính phủ Malaysia gia tăng đầu tư từ khu vực nhà nước và khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), trong đó có cả phát triển cơ sở hạ tầng như thiết lập các tổ chức nghiên cứu và phát triển công nghệ mới, các sáng kiến, phương tiện như Siêu xa lộ truyền thông đa phương tiện..., nhằm mục tiêu nâng mức chi tiêu quốc gia cho R&D lên ít nhất 1,5% GDP. Chính phủ Malaysia còn tiến hành các xúc tiến như Cảnh báo công nghệ (Technology foresight), Lộ trình công nghệ (technology mapping) nhằm lựa chọn được các chương trình nghiên cứu - phát triển công nghệ có thể mang lại lợi ích kinh tế xã hội cao nhất và quyết liệt đầu tư cho các chương trình đó.

Hai là, thúc đẩy thương mại hóa các kết quả nghiên cứu: Chính phủ đóng vai trò then chốt trong việc đẩy mạnh các mối liên kết giữa những người tạo ra và người sử dụng tri thức. Chính phủ tài trợ cho các tổ chức nghiên cứu đóng vai trò tích cực trong việc xúc tiến các mối liên kết với ngành công nghiệp như: Thành lập Bộ phận Phát triển Doanh nghiệp trong Trung tâm khoa học Quốc gia Malaysia (MOSTI) nhằm phát triển các chiến lược và chương trình liên quan đến việc đẩy mạnh thương mại hóa và phổ biến các kết quả nghiên cứu được tạo ra trong các tổ chức nghiên cứu do nhà nước tài trợ; thành lập Quỹ vốn môi cho các trường đại học, các viện nghiên cứu công và các trung tâm đổi mới phân bố dựa trên cơ sở cạnh tranh...

Ba là, phát triển năng lực và trình độ nguồn nhân lực: Chính phủ Malaysia đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực KH&CN, áp dụng tỷ lệ 60:40 đối với số sinh viên theo học các ngành khoa học, kỹ thuật trong tổng số các trường trung cấp, cao đẳng và đại học; tăng số nghiên cứu sinh chiếm ít nhất 10% số sinh viên tốt nghiệp đại học; đồng thời, tăng cường vai trò của các tổ chức giáo dục đại học trong nghiên cứu công nghệ tiên tiến thông qua cơ chế phân bổ ngân sách phát

triển đặc thù, nhất là đối với các lĩnh vực liên quan đến công nghệ mục tiêu và mới nổi...

Bốn là, thúc đẩy một nền văn hóa khoa học, đổi mới và tinh thần khởi nghiệp doanh nghiệp công nghệ: Tinh thần doanh nghiệp công nghệ là một trong những động lực chi phối sự phát triển công nghệ; vì vậy, Chính phủ Malaysia luôn khuyến khích tinh thần doanh nghiệp công nghệ trong tất cả các sinh viên theo học khoa học và kỹ thuật thông qua mở các khóa huấn luyện về khởi nghiệp doanh nghiệp, đồng thời dám chấp nhận rủi ro về công nghệ bằng cách chia sẻ rủi ro với ngành công nghiệp và các chủ thể trong phát triển công nghệ mới thông qua thành lập Kế hoạch bảo lãnh tín dụng công nghệ Malaysia nhằm hỗ trợ thành lập các doanh nghiệp công nghiệp mới.

Năm là, chú trọng phổ biến công nghệ và ứng dụng công nghệ rộng rãi: Phổ biến công nghệ là điều quan trọng trong việc tạo nên cơ sở hạ tầng và môi trường, trong đó cộng đồng nghiên cứu và doanh nghiệp có thể hợp tác với nhau vì lợi ích của các bên. Để đạt được hiệu quả tối đa, Chính phủ Malaysia khuyến khích khu vực tư nhân xây dựng các kế hoạch kinh doanh dài hạn và chú trọng đầu tư vào nghiên cứu và phát triển; bên cạnh đó, cộng đồng nghiên cứu cũng được yêu cầu căn định hướng lại các hoạt động của mình cho phù hợp với nhu cầu của ngành công nghiệp trong nước theo yêu cầu của thị trường.

Sáu là, Chính phủ tập trung phát triển nền tảng tri thức cho các lĩnh vực công nghệ then chốt nhằm duy trì sự hỗ trợ công nghệ cho ngành công nghiệp Malaysia, gồm các lĩnh vực sau: chế tạo tiên tiến, vật liệu tiên tiến, vi điện tử, công nghệ sinh học và khoa học về sự sống, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ truyền thông đa phương tiện, năng lượng, hàng không vũ trụ, công nghệ nano, quang tử học, dược phẩm... Bên cạnh đó, Chính phủ cũng thành lập các điểm trọng tâm quốc gia về từng công nghệ then chốt và mới nổi. Các điểm này sẽ được coi là các trung tâm hoạt động nghiên cứu và phát triển trong các lĩnh vực tương ứng, kết hợp với tăng cường hợp tác quốc tế về các lĩnh vực công nghệ mới và khai thác kinh nghiệm nghiên cứu nước ngoài nếu cần thiết.

3. Bài học cho Việt Nam

Bài học thứ nhất: Xây dựng lộ trình CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức, đồng thời xác định trọng tâm cho mỗi chặng đường phát triển trên toàn bộ lộ trình đó. Việc chia nhỏ tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức đồng thời xác định trọng tâm của mỗi chặng đóng vai trò to lớn trong thành công chung của toàn bộ chiến lược phát triển của Malaysia. Một mặt, việc chia nhỏ thành các chặng đường giúp Chính phủ dễ dàng định lượng các tiêu chí cho mỗi nấc thang trong tiến trình phát triển; mặt khác dễ dàng xác định được trọng tâm phát triển của từng chặng. Từ đó, Chính phủ sẽ dễ dàng xây

dựng kế hoạch đầu tư và huy động các nguồn lực cần thiết cho các trọng tâm phát triển đó. Malaysia là một quốc gia có xuất phát điểm tương đối giống Việt Nam ở những năm đầu, do đó, lộ trình CNH, HĐH của quốc gia là kênh tham khảo hữu ích cho tiến trình CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức của Việt Nam.

Bài học thứ hai: Xác định KH&CN có vị trí then chốt, quyết định sự thành bại của cả quá trình CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức và thực sự đầu tư về nhân lực, tài chính, môi trường thể chế... cho sự phát triển của KH&CN. Đối với Malaysia, quốc gia này đã hai lần xây dựng Chiến lược Khoa học và Công nghệ và chúng đóng vai trò định hướng, dẫn dắt quá trình nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển và triển khai ứng dụng khoa học - công nghệ của Malaysia vào các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế. Bên cạnh đó, Malaysia thật sự coi trọng công tác nghiên cứu và phát triển cũng như đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để tiến tới tự chủ về mặt khoa học công nghệ và có thể "tự mình sáng tạo", đóng góp vào sự phát triển KH&CN của cộng đồng quốc tế.

Bài học thứ ba: Kết hợp nội lực và ngoại lực trong quá trình CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức: Quả thật, Malaysia đã làm tốt điều này. Ở chặng đường thứ 3 - giai đoạn đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế tạo, kế hoạch làm chủ công nghiệp của Malaysia đã đạt được thành quả to lớn nhờ thu hút vốn và công nghệ nước ngoài qua FDI của các hãng sản xuất điện tử hàng đầu thế giới để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa sang giai đoạn mới. Chính nhờ tận dụng hiệu ứng lan tỏa và hấp thụ công nghệ mà công nghiệp điện tử của Malaysia phát triển rất mạnh và nhanh. Nếu thời gian đầu, khu vực FDI ở Malaysia cũng chủ yếu là các nhà máy lắp ráp lợi dụng lợi thế về nhân công giá rẻ thì sau một thời gian hấp thụ công nghệ, Malaysia đã tiến hành kế hoạch làm chủ công nghiệp với mục tiêu hấp thụ công nghệ hiện đại nhất để bỏ qua các hoạt động lắp ráp để tiến thẳng vào hoạt động chế tạo nhằm nâng cao chuỗi giá trị./.

Tài liệu tham khảo

Cục Thông tin KH&CN Quốc gia, Thông tin chuyên đề: Malaixia - Định hướng phát triển KH&CN đến năm 2020.

Nguyễn Quang Hồng (2009), Lan tỏa công nghệ qua FDI trong ngành công nghiệp điện tử của Trung Quốc và Malaysia: Bài học kinh nghiệm cho doanh nghiệp Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 7, tr.26-31.

Abdul Rahman Abdul Aziz (2005), The State and Modernization Perspectives in Malaysia's Development Training, Demokrasi, Vol IV No.2, Kuala Lumpur.